

Phụ lục I

DANH SÁCH BỔ SUNG HỌC SINH, HỌC VIÊN HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỌC SINH BÁN TRÚ, HỌC VIÊN BÁN TRÚ ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN ĂN, TIỀN Ở VÀ GẠO NĂM HỌC 2025-2026 CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số lượng học sinh bán trú, học viên bán trú bổ sung	Số tháng hỗ trợ	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ bổ sung/năm (Đồng)	Tổng số tiền ở được hỗ trợ bổ sung/năm (Đồng)	Tổng số gạo được hỗ trợ bổ sung/năm (Kg)	Ghi chú (Số học sinh, học viên bán trú được hỗ trợ tiền nhà ở)
1	Trường THPT Phạm Kiệt	24	4	89.856.000	34.560.000	1.440	24
2	Trường THPT Ba Tơ	2	5	9.360.000	3.600.000	150	2
	Trường THPT Ba Tơ	2	4	7.488.000	2.880.000	120	2
3	Trường THPT Minh Long	28	4	104.832.000	40.320.000	1.680	28
4	Trường THPT Sơn Hà	33	4	123.552.000	47.520.000	1.980	33
5	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	23	4	86.112.000	33.120.000	1.380	23
	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	95	3	266.760.000	102.600.000	4.275	95
6	Trường THPT Trà Bồng	1	4	3.744.000	1.440.000	60	1
7	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	1	4	3.744.000	1.440.000	60	1
8	Trường PT DTNT THPT Đăk Glei	33	4	123.552.000	47.520.000	1.980	33
9	Trường PTDTNT THPT Đăk Tô	8	4	29.952.000	11.520.000	480	8
10	Trường PTDTNT THPT Ia Tơ	2	5	9.360.000	3.600.000	150	2
11	Trường PTDTNT THPT Đăk Hà	3	4	11.232.000	4.320.000	180	3
12	Trường THPT Trần Phú	46	4	172.224.000	50.400.000	2.760	35
13	Trường THPT Lê Lợi	2	4	7.488.000	2.880.000	120	2
14	Trường THPT Trần Hưng Đạo	6	4	22.464.000	8.640.000	360	6
15	Trường THPT Phan Đình Phùng	2	4	7.488.000	-	120	-
16	Trường THPT Phan Chu Trinh	9	4	33.696.000	12.960.000	540	9

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số lượng học sinh bán trú, học viên bán trú bổ sung	Số tháng hỗ trợ	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ bổ sung/năm (Đồng)	Tổng số tiền ở được hỗ trợ bổ sung/năm (Đồng)	Tổng số gạo được hỗ trợ bổ sung/năm (Kg)	Ghi chú (Số học sinh, học viên bán trú được hỗ trợ tiền nhà ở)
17	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	3	4	11.232.000	4.320.000	180	3
18	Trường THCS và THPT Liên Việt Kon Tum	11	3	30.888.000	11.880.000	495	11
	Trường THCS và THPT Liên Việt Kon Tum	1	4	3.744.000	1.440.000	60	1
19	Trường THPT Nguyễn Trãi.	48	4	179.712.000	69.120.000	2.880	48
20	Trường THCS và THPT Ngô Mây	6	3	16.848.000	6.480.000	270	6
21	Trường THPT Trường Chinh	8	4	29.952.000	11.520.000	480	8
22	Trung tâm GDTX Kon Tum	13	4	48.672.000	18.720.000	780	13
23	Trung tâm GDNN-GDTX Đăk Hà	12	4	44.928.000	-	720	-
24	Trung tâm GDNN-GDTX Đăk Tô	3	4	11.232.000	4.320.000	180	3
25	Trung tâm GDNN-GDTX Đăk Glei	16	4	59.904.000	10.080.000	960	7
26	Trung tâm GDNN-GDTX Ngọc Hồi	15	4	56.160.000	21.600.000	900	15
27	Trung tâm GDNN-GDTX Kon PLông	10	4	37.440.000	-	600	
28	Trung Tâm GDNN-GDTX Khu Vực Ba Tơ	1	5	4.680.000	1.800.000	75	1
	Tổng cộng	467		1.648.296.000	570.600.000	26.415	423

(Chi tiết có danh sách học sinh từng trường theo Phụ lục II đính kèm)